

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2018/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: SN 7, tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: tổ 1, phường M, thành phố T, tỉnh T.

* *Bị đơn:* Anh **Phan Thanh S**, sinh năm 1978

Địa chỉ: SN 7, tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107 và 110, 116 và 117 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung là Phan Hồng M, sinh ngày 30/11/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Anh Phan Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu

đồng)/ tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phan Thanh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ong ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh S đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh S đều xác định không vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận chịu án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm m- ới nghìn đồng) nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N°0005255 ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm m- ới nghìn đồng). Chị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Phan Thanh S phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ (Một trăm năm m- ới nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"/

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Tân Quang, TP.Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

Thẩm phán

Đào Thị Thu Thủy

